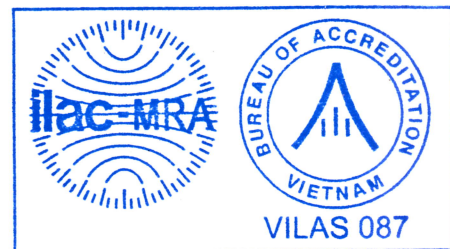




BỘ Y TẾ  
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam  
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH  
DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM**

**Số: 06/2019**

**NGÔ THÙ DU**

(*Fructus Evodiae rutaecarpae*)

SKS: H0119097.01

Dược liệu là quả gần chín, phơi khô của cây Ngô thù du [*Evodia rutaecarpa* (Juss.) Benth. hoặc *Evodia rutaecarpa* (Juss.) Benth. var. *officinalis* (Dode) Huang hoặc *Evodia rutaecarpa* (Juss.) Benth. var. *bodinieri* (Dode) Huang], họ Cam (Rutaceae).

**I. Mục đích sử dụng**

\* Dược liệu chuẩn Ngô thù du (SKS: H0119097.01) được sử dụng trong các phép thử mô tả, vi phẫu, soi bột, định tính.

**II. Mô tả**

Quả hình cầu hoặc hình cầu dẹt, đường kính 0,2 cm đến 0,5 cm, mặt ngoài màu lục vàng thẫm đến màu nâu, thô, xù xì. Mùi thơm ngát, vị cay, đắng.

**III. Dược liệu chuẩn và chất chuẩn**

Dược liệu chuẩn: Ngô thù du (SKS: 120909-201109; Nguồn gốc: NIFDC-PRC).

Chất chuẩn: Rutaecarpin (SKS: 110801-201207; Nguồn gốc: NIFDC-PRC).

Evodiamin (SKS: 110802-201409; Nguồn gốc: NIFDC-PRC).

**IV. Tiêu chuẩn áp dụng**

VKN/TQKT-ĐD/097.01.

**V. Kết quả phân tích**

**1. Mô tả**

: Thể hiện các đặc điểm của dược liệu Ngô thù du như mô tả trong VKN/TQKT-ĐD/097.01.

**2. Bột**

: Thể hiện các đặc điểm của dược liệu Ngô thù du như mô tả trong VKN/TQKT-ĐD/097.01.

**3. Vi phẫu**

: Thể hiện các đặc điểm của dược liệu Ngô thù du như mô tả trong VKN/TQKT-ĐD/097.01.

**4. Định tính**

Phản ứng hóa học

: Thể hiện các đặc điểm phản ứng của dược liệu Ngô thù du như mô tả trong VKN/TQKT-ĐD/097.01.

Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>.

VKN/BM/20.11

Ngô thù du SKS:H0119097.01

Ngày ban hành: 10/12/2018

Phương pháp SKLM

: Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết cùng màu sắc và giá trị  $R_f$  với vết trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu rutaecarpin, evodiamin và dung dịch dược liệu đối chiếu Ngô thù du.

**5. Độ ẩm**

: 9,3 %.

Phương pháp sấy

**6. Tro toàn phần**

: 7,2 %.

**7. Tạp chất**

: Không có.

**8. Chất chiết được trong dược liệu**

: 44,5 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp chiết nóng,  
dung môi ethanol 50 %.

**9. Định lượng tinh dầu**

: 3,4 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp cất kéo hơi nước.

**10. Định lượng evodiamin và rutaecarpin**

: 1,84 % tổng hàm lượng evodiamin ( $C_{19}H_{17}N_3O$ ) và rutaecarpin ( $C_{18}H_{13}N_3O$ ), tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp HPLC

**VI. Hướng dẫn sử dụng**

Không sấy trước khi dùng.

**VII. Bảo quản**

Nhiệt độ  $\leq 30^\circ\text{C}$ , độ ẩm  $\leq 75\%$ .

| Kiểm tra định kỳ  |                        |                     |
|-------------------|------------------------|---------------------|
| Đã kiểm tra (năm) | Kiểm tra lần sau (năm) | Phụ trách khoa (ký) |
| 04/2019           | 04/2020                | M                   |
| 04/2020           | 04/2021                | Nga                 |
| 04/2021           | 04/2022                | Pho                 |
| 04/2022           | 04/2023                | Nga                 |
| 04/2023           | 04/2024                | Nga                 |
| 04/2024           | 04/2025                | Nga                 |
| 04/2025           | 04/2026                | Nga                 |
|                   |                        |                     |

Hà Nội, ngày 12... tháng 4... năm 2019



**Đoàn Cao Sơn**

Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>.

VKN/BM/20.11

Ngô thù du SKS:H0119097.01

Ngày ban hành: 10/12/2018